

DANH SÁCH CHUYÊN KHOA CẤP I – KHÓA 2022 - 2024

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
1	Dương Thành	Phước	01/11/1988	Gia Lai	Chăm sóc giảm nhẹ	
2	Lê Thanh	Thượng	20/11/1993	Thanh Hóa	Chăm sóc giảm nhẹ	
3	Phạm Thị Bảo	Trang	24/02/1995	Hà Tây	Chăm sóc giảm nhẹ	
4	Lê Nguyễn Trường	An	11/06/1994	Sông Bé	Chẩn đoán hình ảnh	
5	Nguyễn Thị Hương	An	10/01/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
6	Đinh Thế	Anh	10/02/1991	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	
7	Lê Thị Kim	Anh	10/09/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chẩn đoán hình ảnh	
8	Trần Quốc	Bảo	20/07/1989	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	
9	Nguyễn Thị Kim	Cương	12/06/1992	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh	
10	Trần Thị Yến	Dân	07/07/1994	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh	
11	Trần Quý	Dậu	19/02/1993	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	
12	Đỗ Thị Kim	Diệu	09/04/1991	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh	
13	Đinh Thị Mỹ	Duyên	26/08/1993	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	
14	Đặng Vũ Thảo	Hằng	20/12/1994	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh	
15	Trần Ngọc	Hằng	29/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
16	Trần Thị	Hằng	21/11/1995	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
17	Bùi Hồ Hoàng	Hạnh	02/07/1993	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh	
18	Hồ Thị Trung	Hạnh	11/12/1994	Khánh Hòa	Chẩn đoán hình ảnh	
19	Lê Thị	Hạnh	05/02/1993	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
20	Nguyễn Đắc	Hạnh	11/5/1992	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	
21	Lương Trung	Hậu	14/08/1990	Kiên Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
22	Nguyễn Trung	Hậu	10/05/1991	Cà Mau	Chẩn đoán hình ảnh	
23	Nông Thị	Hiền	29/12/1992	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
24	Nguyễn Lê	Hoàng	16/06/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
25	Bùi Thị Thuý	Hồng	10/04/1992	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
26	Phan Thị	Hồng	27/10/1988	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	
27	Võ Thị Kim	Huệ	18/07/1993	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
28	Dụng Thị Ngọc	Hương	21/09/1993	Bình Thuận	Chẩn đoán hình ảnh	
29	Lê Thị	Hương	11/02/1994	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	
30	Vũ Thị Thùy	Hương	13/05/1990	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh	
31	Đặng Thị Kim	Hương	10/12/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
32	Võ Thị	Hường	18/12/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
33	Hoàng Quang	Huy	30/5/1993	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	
34	Lê Bá	Huy	25/05/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
35	Nguyễn Quang	Huy	19/09/1992	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh	
36	Trần Quốc Minh	Huy	26/12/1991	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
37	Đỗ Đăng	Khoa	20/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
38	Lê Thị	Kiều	15/07/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
39	Nguyễn Thị Hoa	Lan	14/03/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
40	Triệu Thị	Lan	15/12/1992	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
41	Nguyễn Việt Thanh	Liên	29/08/1993	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
42	Đông Nữ Bảo	Linh	01/09/1995	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh	
43	Trần Hồng	Loan	10/05/1994	An Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
44	Võ Đình Hoàng	Long	30/10/1990	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
45	Nguyễn Trường	Luân	08/09/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
46	Mai Lê Quốc	Luật	31/08/1994	Hậu Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
47	Lưu Thị Khánh	Ly	15/04/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
48	Lê Thị Hải	Lý	12/07/1989	Quảng Bình	Chẩn đoán hình ảnh	
49	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	03/09/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
50	Trần Phương	Mai	05/11/1994	Đà Nẵng	Chẩn đoán hình ảnh	
51	Nguyễn Đức	Mạnh	12/02/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
52	Võ Thanh	Minh	17/04/1974	Long An	Chẩn đoán hình ảnh	
53	Trần Thị	Nga	11/12/1993	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh	
54	Hà Thị	Ngà	10/08/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
55	Đào Lê Bích	Ngân	22/11/1994	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
56	Huỳnh Đỗ Vỹ	Ngân	28/03/1994	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	
57	Nguyễn Thị Diễm	Ngân	27/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
58	Võ Thị	Ngọc	06/10/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
59	Lê Thái	Nguyên	15/06/1992	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh	
60	Trần Công	Nguyên	11/04/1993	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	
61	Hoàng Thị	Nhâm	23/04/1992	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
62	Hồ Thị	Nhật	21/01/1993	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	
63	Trương Thị Ý	Nhi	26/03/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
64	Nguyễn Đức	Phong	08/08/1993	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	
65	Trần Vũ Thiên	Phúc	19/03/1992	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh	
66	Trịnh Ngọc	Phùng	28/12/1993	Bạc Liêu	Chẩn đoán hình ảnh	
67	Trần Hữu	Quang	03/02/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
68	Nguyễn	Thắng	26/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
69	Trương Thái Thiên	Thanh	25/04/1994	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh	
70	Nguyễn Chí	Thành	25/08/1994	Tây Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	
71	Bùi Bích	Thảo	23/05/1994	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
72	Lê Thị Mai	Thảo	27/01/1994	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh	
73	Ngô Nữ Phương	Thảo	01/12/1991	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh	
74	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/05/1991	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
75	Trương Thị Phương	Thảo	25/02/1993	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh	
76	Nguyễn Quang	Thịnh	14/07/1993	Tây Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	
77	Phạm Đức	Thịnh	20/10/1989	Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	
78	Phan Đức	Thịnh	10/09/1995	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
79	Dương Ngọc	Thơ	04/07/1993	Bạc Liêu	Chẩn đoán hình ảnh	
80	Lê Ngọc Minh	Thư	30/04/1994	Long An	Chẩn đoán hình ảnh	
81	Lê Thị Anh	Thư	07/04/1994	An Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
82	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	17/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
83	Phạm Lâm	Thư	18/10/1993	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
84	Lý Công	Thức	18/5/1987	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh	
85	Nguyễn Thị Diệu	Thương	29/09/1993	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
86	Trần Đức	Thương	30/04/1990	Cần Thơ	Chẩn đoán hình ảnh	
87	Đỗ Thị Anh	Thuy	22/11/1994	Long An	Chẩn đoán hình ảnh	
88	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/08/1994	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
89	Phạm Công	Tín	20/11/1993	Đà Nẵng	Chẩn đoán hình ảnh	
90	Tô Hoàng	Toàn	20/07/1994	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh	
91	Trần Nguyễn Như	Trâm	15/10/1993	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh	
92	Ma Thị Huyền	Trang	24/09/1990	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh	
93	Dư Vĩ	Trí	07/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
94	Đặng Thị Tuyết	Trinh	20/08/1988	Kon Tum	Chẩn đoán hình ảnh	
95	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	10/10/1984	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh	
96	Lâm Thị	Trọng	15/08/1989	Trà Vinh	Chẩn đoán hình ảnh	
97	Nguyễn Xuân	Tuấn	30/04/1994	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	
98	Nguyễn Thanh	Tùng	07/03/1993	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh	
99	Phan Thị Thanh	Tuyền	24/10/1995	Quảng Nam	Chẩn đoán hình ảnh	
100	Phan Thị Thanh	Vân	04/12/1991	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	
101	Cao Ngọc Tường	Vi	04/08/1992	Bến Tre	Chẩn đoán hình ảnh	
102	Dương Quốc	Vinh	05/09/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	
103	Trần Quang	Vinh	02/05/1995	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	
104	Lương Văn	Anh	15/04/1990	Thanh Hóa	Chẩn thương chỉnh hình.	
105	Nguyễn Hoàng	Anh	01/06/1994	Thanh Hóa	Chẩn thương chỉnh hình.	
106	Hà Minh	Chí	25/01/1995	Nam Định	Chẩn thương chỉnh hình.	
107	Trần Văn	Chí	06/07/1991	Hà Tĩnh	Chẩn thương chỉnh hình.	
108	Nguyễn Đình	Chiều	25/07/1991	Đắk Lắk	Chẩn thương chỉnh hình.	
109	Nguyễn Huỳnh Trung	Đan	15/02/1995	An Giang	Chẩn thương chỉnh hình.	
110	Phạm Như	Đông	01/01/1992	Bạc Liêu	Chẩn thương chỉnh hình.	
111	Bùi Minh	Đức	23/04/1992	Trà Vinh	Chẩn thương chỉnh hình.	
112	Đỗ Minh	Đức	20/11/1991	Đắk Nông	Chẩn thương chỉnh hình.	
113	Huỳnh Mã Phương	Duy	18/06/1994	Đắk Lắk	Chẩn thương chỉnh hình.	
114	Lê Nguyễn Nhật	Duy	06/10/1995	An Giang	Chẩn thương chỉnh hình.	
115	Lục Minh	Duy	20/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Chẩn thương chỉnh hình.	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
116	Huỳnh Đức	Hạnh	27/12/1995	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.	
117	Nguyễn Minh	Hào	20/12/1994	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.	
118	Tăng Khánh	Hậu	10/12/1990	Cao Bằng	Chấn thương chỉnh hình.	
119	Võ Tấn	Hoàng	19/05/1994	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.	
120	Ngô Khánh	Hung	28/07/1994	Trà Vinh	Chấn thương chỉnh hình.	
121	Nguyễn Anh	Huy	15/10/1994	Tiền Giang	Chấn thương chỉnh hình.	
122	Biện Nhật	Kha	20/07/1995	Phú Yên	Chấn thương chỉnh hình.	
123	Võ Duy	Khanh	10/02/1995	Quảng Ngãi	Chấn thương chỉnh hình.	
124	Võ Phúc	Khánh	12/10/1994	Bến Tre	Chấn thương chỉnh hình.	
125	Hồ Văn	Lộc	11/10/1994	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.	
126	Nguyễn Từ Nhật	Minh	09/08/1995	Đắk Nông	Chấn thương chỉnh hình.	
127	K'	Mus	08/01/1993	Lâm Đồng	Chấn thương chỉnh hình.	
128	Vũ Văn	Ngọc	17/03/1989	Thái Bình	Chấn thương chỉnh hình.	
129	Trương Thảo	Nguyên	23/01/1992	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.	
130	Phan Văn	Nhân	06/07/1993	Thanh Hóa	Chấn thương chỉnh hình.	
131	Tổng Hoài	Nhân	13/11/1992	Sóc Trăng	Chấn thương chỉnh hình.	
132	Nguyễn Minh	Nhật	08/03/1994	Hà Tĩnh	Chấn thương chỉnh hình.	
133	Đặng Ngọc	Phát	14/09/1994	Gia Lai	Chấn thương chỉnh hình.	
134	Lê Tiên	Phát	04/10/1993	Đồng Tháp	Chấn thương chỉnh hình.	
135	Nguyễn Đăng Bằng	Phi	25/05/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chấn thương chỉnh hình.	
136	Ngô Vũ	Phương	12/09/1994	An Giang	Chấn thương chỉnh hình.	
137	Trần Vương	Sơn	07/07/1992	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.	
138	Phạm Thanh	Tài	20/03/1995	Phú Yên	Chấn thương chỉnh hình.	
139	Phạm Văn	Thạch	10/08/1993	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.	
140	Nguyễn Duy	Thái	22/6/1994	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.	
141	Trương Ngọc	Thanh	28/08/1995	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình.	
142	Nguyễn Duy	Thành	11/06/1993	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.	
143	Nguyễn Chí	Thông	12/04/1995	Bình Định	Chấn thương chỉnh hình.	
144	A	Thư	11/01/1993	Kon Tum	Chấn thương chỉnh hình.	
145	Phạm Minh	Tiến	15/04/1995	Tiền Giang	Chấn thương chỉnh hình.	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
146	Nguyễn Trường	Tiền	02/08/1987	Cà Mau	Chấn thương chỉnh hình.	
147	Son	Tiền	20/02/1991	Trà Vinh	Chấn thương chỉnh hình.	
148	Hồ Khắc	Tín	20/02/1995	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.	
149	Nguyễn Giang	Toàn	12/11/1994	Kon Tum	Chấn thương chỉnh hình.	
150	Trần Dương Minh	Trí	29/10/1994	Kiên Giang	Chấn thương chỉnh hình.	
151	Trần Đình	Tú	29/06/1995	Ninh Thuận	Chấn thương chỉnh hình.	
152	Triệu Văn	Việt	14/09/1993	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình.	
153	Trần Thanh	Vũ	17/04/1992	Quảng Trị	Chấn thương chỉnh hình.	
154	Nguyễn Thúy	Bích	29/01/1995	Quảng Nam	Da liễu	
155	Đặng Thị Thúy	Cầm	06/10/1992	Trà Vinh	Da liễu	
156	Nguyễn Lưu Hồng	Đặng	06/12/1995	Bạc Liêu	Da liễu	
157	Nguyễn Hữu Thành	Đạt	13/10/1993	Cần Thơ	Da liễu	
158	Mai La	Giang	15/06/1994	Hà Tĩnh	Da liễu	
159	Hoàng Thị Khánh	Hà	04/11/1994	Tây Ninh	Da liễu	
160	Trần Thị Ngọc	Hà	26/03/1994	Bình Thuận	Da liễu	
161	Phạm Lữ Hạnh	Hoa	15/10/1995	Bến Tre	Da liễu	
162	Nguyễn Văn	Hoàng	11/10/1992	Sông Bé	Da liễu	
163	Thái Thị	Hồng	02/08/1993	Đà Nẵng	Da liễu	
164	Trần Thị	Huế	04/11/1993	Hà Nam	Da liễu	
165	Đỗ Thị Vân	Hương	04/07/1990	Lâm Đồng	Da liễu	
166	Đặng Trần Xuân	Khoa	28/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Da liễu	
167	Lê Bá Khánh	Linh	25/12/1991	Vĩnh Long	Da liễu	
168	Nguyễn Lê Thảo	Linh	19/12/1994	Hà Tĩnh	Da liễu	
169	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/03/1994	Thừa Thiên Huế	Da liễu	
170	Trà Thị Nhật	Mai	19/09/1993	Quảng Nam	Da liễu	
171	Trần Thị Thiều	My	22/05/1994	Quảng Ngãi	Da liễu	
172	Bùi Phương Thanh	Ngân	04/05/1994	Tiền Giang	Da liễu	
173	Nguyễn Phạm Ánh	Ngân	08/02/1995	Quảng Nam	Da liễu	
174	Đào Thị Bích	Ngọc	28/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Da liễu	
175	Nguyễn Thị	Nguyễn	08/03/1993	Thanh Hóa	Da liễu	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
176	Hà Thị Thanh	Nhàn	20/02/1995	Thanh Hóa	Da liễu	
177	Lê Thảo	Nhi	11/10/1995	Khánh Hòa	Da liễu	
178	Phạm Thị Hồng	Nhung	02/02/1992	An Giang	Da liễu	
179	Lê Quang	Phúc	10/05/1992	Quảng Ngãi	Da liễu	
180	Phan Sơn	Phước	11/01/1994	Kon Tum	Da liễu	
181	Nguyễn Hoàng Uyên	Phương	12/08/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Da liễu	
182	Hoàng Thị	Quý	19/01/1994	Đắk Lắk	Da liễu	
183	Phạm Văn	Thao	04/03/1992	Hải Dương	Da liễu	
184	Lê Thị Thu	Thảo	03/02/1993	Đồng Nai	Da liễu	
185	Nguyễn Trương Dạ	Thảo	08/01/1994	Quảng Ngãi	Da liễu	
186	Phan Mai Phương	Thảo	25/03/1993	Kiên Giang	Da liễu	
187	Nguyễn Thị Kim	Thi	09/09/1993	Đồng Tháp	Da liễu	
188	Nguyễn Thị Minh	Thi	04/04/1995	Phú Yên	Da liễu	
189	Hoàng Phú	Thọ	01/12/1994	Quảng Bình	Da liễu	
190	Lê Chế Quỳnh	Trâm	09/11/1994	Quảng Ngãi	Da liễu	
191	Võ Lê Thị Mai	Trinh	20/06/1994	Đồng Tháp	Da liễu	
192	Trương Thị Tường	Vi	09/7/1994	Gia Lai	Da liễu	
193	Ngô	Xinh	23/01/1995	Ninh Thuận	Da liễu	
194	Lê Thị Cẩm	Giang	07/07/1975	Tp. Hồ Chí Minh	Dinh dưỡng	
195	Trần Thị Mỹ	Linh	18/07/1994	Quảng Nam	Dinh dưỡng	
196	Quách Hữu	Lộc	18/07/1985	Đồng Nai	Dinh dưỡng	
197	Bùi Hoàng Bích	Uyên	20/4/1994	Quảng Ngãi	Dinh dưỡng	
198	Trần Thị Tường	Vi	06/08/1993	Quảng Nam	Dinh dưỡng	
199	Lê Huỳnh Quốc	Việt	22/9/1986	Tiền Giang	Dinh dưỡng	
200	Ngô Thị Ngọc	Trung	22/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dược liệu - Dược học cổ truyền	
201	Phan Thị Khánh	Linh	04/04/1995	Bình Thuận	Dược lý và dược lâm sàng	
202	Lê Thị Anh	Nga	24/04/1972	Vĩnh Long	Dược lý và dược lâm sàng	
203	Huỳnh Thị Hạnh	Ngân	03/02/1991	Hậu Giang	Dược lý và dược lâm sàng	
204	Bùi Khánh	Như	10/02/1995	Bạc Liêu	Dược lý và dược lâm sàng	
205	Nguyễn Thị Kim	Oanh	03/01/1987	Bình Thuận	Dược lý và dược lâm sàng	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
206	Hà Mai	Phương	10/4/1989	Đồng Nai	Dược lý và dược lâm sàng	
207	Phạm Thị Mộng	Thu	04/01/1988	Sài Gòn	Dược lý và dược lâm sàng	
208	Đào Thu	Trang	25/10/1993	Hà Nội	Dược lý và dược lâm sàng	
209	Nguyễn Minh	Triết	26/01/1985	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng	
210	Lý Thị Anh	Trinh	07/10/1981	Đồng Nai	Dược lý và dược lâm sàng	
211	Nguyễn Đình	Bảo	11/10/1995	Quảng Ngãi	Gây mê hồi sức	
212	Lê Huỳnh	Bộ	10/01/1992	Đà Nẵng	Gây mê hồi sức	
213	Trần Tân	Đức	08/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	
214	Nguyễn Văn	Dũng	24/05/1995	Ninh Bình	Gây mê hồi sức	
215	Tạ Thị Thu	Hà	09/02/1994	Phú Thọ	Gây mê hồi sức	
216	Đặng Thuý	Hằng	24/03/1992	Kiên Giang	Gây mê hồi sức	
217	Tôn Công	Hiển	20/11/1995	Gia Lai	Gây mê hồi sức	
218	Bùi Quang	Hiệp	25/10/1988	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức	
219	Nguyễn Việt	Hoàng	19/05/1993	Đắk Lắk	Gây mê hồi sức	
220	Nguyễn Thị Ngọc	Huế	06/02/1995	Thái Bình	Gây mê hồi sức	
221	Trương Gia	Huy	29/09/1995	Phú Yên	Gây mê hồi sức	
222	Ngũ Thái Ngọc	Khang	27/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	
223	Cao Khánh	Linh	06/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	
224	Huỳnh Thị Thảo	Minh	31/03/1990	Đồng Tháp	Gây mê hồi sức	
225	Trương Thị Thảo	Nguyên	21/11/1993	Đắk Lắk	Gây mê hồi sức	
226	Võ Lê Cao	Nguyên	09/05/1972	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức	
227	Đặng Nguyễn Thị Hiền	Nhân	04/04/1989	Đà Nẵng	Gây mê hồi sức	
228	Nguyễn Trọng	Nhân	06/06/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	
229	Hồ Kiến	Phát	16/10/1992	Quảng Nam	Gây mê hồi sức	
230	Võ Văn	Phong	25/12/1993	Quảng Nam	Gây mê hồi sức	
231	Nguyễn Hoàng	Phúc	27/01/1993	Đồng Tháp	Gây mê hồi sức	
232	Hồ Đan	Phượng	02/08/1994	An Giang	Gây mê hồi sức	
233	Nguyễn Trần Hà	Quyên	17/09/1995	Khánh Hòa	Gây mê hồi sức	
234	Đào Ngô	Quyên	30/09/1994	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức	
235	Võ Hoàng	Son	18/01/1993	Tiền Giang	Gây mê hồi sức	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
236	Nguyễn Đình	Tá	01/12/1991	Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức	
237	Phan Thanh	Tân	07/10/1993	Quảng Ngãi	Gây mê hồi sức	
238	Trần Minh	Trí	08/08/1995	Khánh Hòa	Gây mê hồi sức	
239	Nguyễn Thị Dung	Trinh	13/08/1993	Quảng Ngãi	Gây mê hồi sức	
240	Lê Thị Thanh	Trúc	02/07/1993	Tiền Giang	Gây mê hồi sức	
241	Nguyễn Đắc Quỳnh	Anh	06/05/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	
242	Đặng Khánh	Bình	07/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	
243	Chu Thanh	Huyền	01/07/1990	Hà Giang	Giải phẫu bệnh	
244	Trần Anh	Minh	16/11/1995	Bạc Liêu	Giải phẫu bệnh	
245	Trần Anh	Ngọc	04/04/1994	Thái Bình	Giải phẫu bệnh	
246	Nguyễn Quốc	Thi	04/10/1992	Kiên Giang	Giải phẫu bệnh	
247	Nông Thị Thanh	Thủy	25/07/1991	Lâm Đồng	Giải phẫu bệnh	
248	Trần Bá	Tòng	17/10/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Giải phẫu bệnh	
249	Lê Việt	Trinh	12/02/1993	Cà Mau	Giải phẫu bệnh	
250	Đoàn Thuận	Yến	28/07/1992	Hà Tĩnh	Giải phẫu bệnh	
251	Danh	Chung	1989	Bạc Liêu	Hồi sức cấp cứu.	
252	Nguyễn Cảnh	Chung	10/03/1993	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu.	
253	Nguyễn Trí	Đại	02/07/1993	An Giang	Hồi sức cấp cứu.	
254	Phan Quang	Đạt	26/03/1994	Hậu Giang	Hồi sức cấp cứu.	
255	Phạm Quốc	Điền	25/01/1994	Tiền Giang	Hồi sức cấp cứu.	
256	Nguyễn Hữu	Đoàn	27/06/1993	Thái Nguyên	Hồi sức cấp cứu.	
257	Phan Anh	Dũng	30/09/1991	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu.	
258	Y Jem My	Êñuôl	26/04/1991	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu.	
259	Nguyễn Trường	Giang	29/09/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
260	Bê Thị Kim	Hài	28/12/1990	Cao Bằng	Hồi sức cấp cứu.	
261	Lê Thị	Hải	26/8/1993	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu.	
262	Nguyễn Ngọc	Hải	17/05/1994	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu.	
263	Phan Duy	Hằng	29/11/1991	Cà Mau	Hồi sức cấp cứu.	
264	Nguyễn Văn	Hào	15/08/1994	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu.	
265	Thạch Nghĩa	Hiệp	19/09/1990	Trà Vinh	Hồi sức cấp cứu.	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
266	Đình Trung	Hiếu	20/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
267	Đình Văn	Hồng	10/08/1992	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu.	
268	Phan Đình	Huy	18/01/1990	Kiên Giang	Hồi sức cấp cứu.	
269	Nguyễn Đăng	Khoa	10/12/1993	Trà Vinh	Hồi sức cấp cứu.	
270	Nguyễn Phương	Linh	19/05/1991	Cà Mau	Hồi sức cấp cứu.	
271	Vũ Thị Thùy	Linh	05/11/1994	Nam Định	Hồi sức cấp cứu.	
272	Phạm Đức	Long	12/07/1995	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu.	
273	Đặng Bá	Luân	10/10/1993	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu.	
274	Trần Văn	Lục	02/10/1993	Kiên Giang	Hồi sức cấp cứu.	
275	Đình Thị	Ly	20/01/1993	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu.	
276	Lý Mai	Ly	12/10/1993	An Giang	Hồi sức cấp cứu.	
277	Phạm Minh	Lý	28/02/1994	Đắk Lắk	Hồi sức cấp cứu.	
278	Phạm Thị Tuyết	Nga	25/04/1994	Đông Tháp	Hồi sức cấp cứu.	
279	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	18/11/1991	Quảng Nam	Hồi sức cấp cứu.	
280	Pang Tiêng Bích	Ngọc	08/12/1993	Lâm Đồng	Hồi sức cấp cứu.	
281	Võ Thị Bé	Ngọc	15/10/1994	Bến Tre	Hồi sức cấp cứu.	
282	Nguyễn Thị Hồng	Nguyệt	02/07/1995	Bình Định	Hồi sức cấp cứu.	
283	Trần Huy	Nhật	17/04/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
284	Đặng Thanh	Phong	04/04/1993	Long An	Hồi sức cấp cứu.	
285	Nguyễn Bình	Phong	04/05/1993	Sóc Trăng	Hồi sức cấp cứu.	
286	Trần Diệp	Phong	10/12/1993	Bến Tre	Hồi sức cấp cứu.	
287	Nguyễn Trường	Phú	18/10/1991	Bình Định	Hồi sức cấp cứu.	
288	Phó Thiên	Phước	03/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
289	Phạm Hoài	Phương	25/10/1991	Trà Vinh	Hồi sức cấp cứu.	
290	Hồ Ngọc	Quang	02/06/1994	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu.	
291	Văn Ngọc Hải	Sang	03/01/1994	Long An	Hồi sức cấp cứu.	
292	Lê Thảo	Sương	02/04/1994	Quảng Trị	Hồi sức cấp cứu.	
293	Hồ Hữu	Tài	14/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
294	Nguyễn Duy	Tâm	26/07/1994	Bình Định	Hồi sức cấp cứu.	
295	Nguyễn Thanh	Tâm	27/08/1995	Sóc Trăng	Hồi sức cấp cứu.	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
296	Văn Viết	Thắng	08/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hồi sức cấp cứu.	
297	Nguyễn Minh	Thành	23/12/1992	Quảng Nam	Hồi sức cấp cứu.	
298	Lê Thị Thanh	Thảo	12/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
299	Lê Văn	Thương	18/10/1995	Bình Định	Hồi sức cấp cứu.	
300	Nguyễn Thị Hoài	Thương	26/07/1994	Tiền Giang	Hồi sức cấp cứu.	
301	Lưu Viết	Tính	10/10/1993	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu.	
302	Trần Văn	Tốt	18/04/1978	Bạc Liêu	Hồi sức cấp cứu.	
303	Thạch Thị Cẩm	Trang	20/03/1992	Trà Vinh	Hồi sức cấp cứu.	
304	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21/10/1989	Long An	Hồi sức cấp cứu.	
305	Võ Hoàng	Trung	23/06/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
306	Đặng Văn	Vinh	22/06/1992	Quảng Nam	Hồi sức cấp cứu.	
307	Nguyễn Văn	Võ	12/03/1994	Bạc Liêu	Hồi sức cấp cứu.	
308	Lê Dương	Vũ	23/10/1995	Quảng Nam	Hồi sức cấp cứu.	
309	Lê Minh	Vũ	12/01/1994	Hậu Giang	Hồi sức cấp cứu.	
310	Trần Bình	Yên	08/03/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu.	
311	Nguyễn Thái	Dương	08/02/1993	Kiên Giang	Huyết học	
312	Bùi Thị Thúy	Hằng	28/10/1992	Đắk Lắk	Huyết học	
313	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	03/12/1983	Tiền Giang	Huyết học	
314	Nguyễn Trung	Nguyên	28/8/1992	Đắk Lắk	Huyết học	
315	Lương Thị	Trang	14/11/1994	Đà Nẵng	Huyết học	
316	Nguyễn Nhã	Vi	01/01/1993	Quảng Nam	Huyết học	
317	Phạm Thị Ngọc	Duyên	25/04/1995	Đồng Tháp	Lao	
318	Nguyễn Xuân	Phát	14/05/1993	Kiên Giang	Lao	
319	Nguyễn Thanh	Phong	14/08/1994	Tây Ninh	Lao	
320	Đặng Ngọc	Quỳnh	17/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Lao	
321	Nguyễn Quốc	Tín	02/01/1994	Quảng Ngãi	Lao	
322	Nguyễn Hà	Triều	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Lao	
323	Trương Mỹ	Ái	27/12/1995	Cần Thơ	Lão khoa.	
324	Lê Đình	Chiến	15/09/1993	Nghệ An	Lão khoa.	
325	Võ Phước	Chiểu	05/07/1993	Quảng Ngãi	Lão khoa.	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
326	Lê Thị Thuỳ	Dân	10/10/1994	Bình Thuận	Lão khoa.	
327	Đào Đắc	Đức	25/08/1994	Hải Dương	Lão khoa.	
328	Nguyễn Bảo	Duy	07/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Lão khoa.	
329	Nguyễn Thị Kim	Hằng	02/12/1990	Bình Thuận	Lão khoa.	
330	Quách Thị	Hằng	07/10/1990	Thanh Hóa	Lão khoa.	
331	Lê Văn	Hiệp	13/09/1995	Tây Ninh	Lão khoa.	
332	Đỗ Thị Minh	Hoàng	16/4/1991	Quảng Ngãi	Lão khoa.	
333	Đoàn Vũ Ngọc	Huyền	18/10/1994	Đắk Lắk	Lão khoa.	
334	Lê Ngọc	Khánh	29/11/1993	Đắk Lắk	Lão khoa.	
335	Lê Thị Thuỳ	Linh	15/08/1993	Hà Tĩnh	Lão khoa.	
336	Thái Thị Phương	Mai	15/11/1994	Hà Tĩnh	Lão khoa.	
337	Võ Minh	Phú	09/01/1992	An Giang	Lão khoa.	
338	Hoàng Thị Thu	Phương	22/06/1995	Nam Định	Lão khoa.	
339	Nguyễn Văn	Son	10/08/1994	Quảng Ngãi	Lão khoa.	
340	Liêu Minh	Tâm	07/04/1994	Bến Tre	Lão khoa.	
341	Nguyễn Thanh	Thái	18/08/1991	Bến Tre	Lão khoa.	
342	Nguyễn Dương Thiên	Thanh	23/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Lão khoa.	
343	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	02/02/1993	Đồng Nai	Lão khoa.	
344	Hoàng Phương	Thảo	26/11/1993	Đắk Lắk	Lão khoa.	
345	Hoàng Trung	Thông	19/05/1991	Hà Tĩnh	Lão khoa.	
346	Trần Thị Anh	Thư	15/12/1993	Bình Thuận	Lão khoa.	
347	Đào Trung	Thực	27/4/1993	Đắk Lắk	Lão khoa.	
348	Đoàn Thị	Thùy	26/12/1989	Bắc Ninh	Lão khoa.	
349	Trần Ngọc Anh	Thùy	02/02/1990	Vĩnh Long	Lão khoa.	
350	Phan Lâm	Tới	20/11/1994	Tiền Giang	Lão khoa.	
351	Dương Văn	Trạng	25/07/1994	Kiên Giang	Lão khoa.	
352	Lê Quang	Trình	20/04/1994	Đắk Lắk	Lão khoa.	
353	Lê Thị Thanh	Trúc	26/10/1995	Bến Tre	Lão khoa.	
354	Hoàng Tiểu	Vũ	23/09/1990	Đà Nẵng	Lão khoa.	
355	Trần Hải	Vương	13/03/1993	Kiên Giang	Lão khoa.	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
356	Quang Minh Tấn	Đạt	24/04/1994	Đắk Lắk	Ngoại lồng ngực.	
357	Trình Công	Đông	01/02/1994	Quảng Nam	Ngoại lồng ngực.	
358	Hồ Công	Hậu	09/02/1994	Long An	Ngoại lồng ngực.	
359	Trương Võ Công	Khang	12/04/1994	Quảng Trị	Ngoại lồng ngực.	
360	Lê Nhật	Nam	14/02/1990	Quảng Nam	Ngoại lồng ngực.	
361	Nguyễn Hoàng	Thanh	12/12/1994	Khánh Hòa	Ngoại lồng ngực.	
362	Nguyễn Văn	Thành	24/09/1994	Hà Tĩnh	Ngoại lồng ngực.	
363	Chau	Thi	01/01/1991	An Giang	Ngoại lồng ngực.	
364	Trần Quang	Thông	07/06/1991	An Giang	Ngoại lồng ngực.	
365	Ngô Ngọc	Trung	31/12/1993	Đà Nẵng	Ngoại lồng ngực.	
366	Lê Hoàng	Tuấn	26/03/1991	Khánh Hòa	Ngoại lồng ngực.	
367	Thiều Quang	Đức	12/07/1994	Thanh Hóa	Ngoại nhi.	
368	Nguyễn Văn	Hợp	12/5/1994	Kiên Giang	Ngoại nhi.	
369	Đặng Nguyễn Quỳnh	Như	19/03/1994	Bình Dương	Ngoại nhi.	
370	Nguyễn Trương	Toàn	20/08/1990	Tiền Giang	Ngoại nhi.	
371	Đỗ Sơn	Trà	30/03/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại nhi.	
372	Trần Xuân	Tuấn	25/11/1995	Cần Thơ	Ngoại nhi.	
373	Đặng Hoàng	Anh	27/04/1991	Tiền Giang	Ngoại khoa	
374	Đặng Quốc	Anh	09/09/1994	Đồng Tháp	Ngoại khoa	
375	Lê Hòa Quốc	Bảo	04/11/1994	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa	
376	Nguyễn Hữu	Bồn	04/07/1994	Quảng Nam	Ngoại khoa	
377	Đoàn Phúc	Đặng	12/05/1995	Gia Lai	Ngoại khoa	
378	Võ Hùng	Dinh	20/09/1995	Quảng Nam	Ngoại khoa	
379	Lê Hoàng	Đức	20/02/1993	Bình Thuận	Ngoại khoa	
380	Nguyễn Thái Minh	Hoàng	21/11/1993	Đồng Nai	Ngoại khoa	
381	Phạm Quốc	Hùng	09/05/1994	Bến Tre	Ngoại khoa	
382	Vũ Anh	Khoa	17/02/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa	
383	Phạm Mạnh	Linh	24/07/1991	Quảng Ninh	Ngoại khoa	
384	Đỗ Tấn	Lộc	22/06/1993	Bạc Liêu	Ngoại khoa	
385	Nguyễn Hữu	Lộc	19/10/1995	Quảng Bình	Ngoại khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
386	Trần Đình	Ngọc	29/11/1992	Quảng Trị	Ngoại khoa	
387	Hồ Tấn	Quý	14/07/1994	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	
388	Phạm Hồng	Thái	13/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	
389	Lê Chí	Thanh	14/12/1992	An Giang	Ngoại khoa	
390	Thạch Ngọc Diễm	Thanh	22/10/1993	Trà Vinh	Ngoại khoa	
391	Nguyễn Trung	Thành	10/07/1992	Gia Lai	Ngoại khoa	
392	Lê Hà	Thịnh	06/01/1993	Quảng Nam	Ngoại khoa	
393	Huỳnh Trí	Thông	26/08/1994	Bến Tre	Ngoại khoa	
394	Lê Huỳnh Thanh	Trúc	13/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	
395	Nguyễn	Vinh	25/05/1994	Khánh Hòa	Ngoại khoa	
396	Bùi Thị Thuỳ	Vy	11/05/1995	Lâm Đồng	Ngoại khoa	
397	Phan Phúc	An	29/08/1994	Quảng Ngãi	Ngoại thần kinh và sọ não	
398	Tổng Hoài	An	01/01/1994	Bạc Liêu	Ngoại thần kinh và sọ não	
399	Trần Nguyên	Bảo	05/12/1992	Đà Nẵng	Ngoại thần kinh và sọ não	
400	Phan Vân	Đình	10/02/1989	Tây Ninh	Ngoại thần kinh và sọ não	
401	Phạm Thanh	Dũng	27/05/1990	Đồng Nai	Ngoại thần kinh và sọ não	
402	Nguyễn Thị Thúy	Duy	14/04/1995	Kiên Giang	Ngoại thần kinh và sọ não	
403	Lê Đình	Khả	08/08/1993	Bình Định	Ngoại thần kinh và sọ não	
404	Nguyễn Tú	Khải	27/04/1993	Phú Yên	Ngoại thần kinh và sọ não	
405	Nguyễn Đăng	Khoa	15/01/1986	Cà Mau	Ngoại thần kinh và sọ não	
406	Trần Văn	Nhân	27/02/1994	Hà Tĩnh	Ngoại thần kinh và sọ não	
407	Ngô Minh	Quân	22/09/1994	Kiên Giang	Ngoại thần kinh và sọ não	
408	Đỗ Dũng	Quốc	25/02/1993	Kon Tum	Ngoại thần kinh và sọ não	
409	Vũ Tuấn	Son	09/01/1993	Phú Yên	Ngoại thần kinh và sọ não	
410	Nguyễn Đức	Tài	01/06/1994	Quảng Bình	Ngoại thần kinh và sọ não	
411	Vũ Đức	Thắng	01/08/1992	Đắk Lắk	Ngoại thần kinh và sọ não	
412	Phan Đình	Thành	11/11/1994	Ninh Thuận	Ngoại thần kinh và sọ não	
413	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/04/1992	Quảng Ngãi	Ngoại thần kinh và sọ não	
414	Nguyễn Vi Hoàng	Tín	11/09/1994	Đồng Nai	Ngoại thần kinh và sọ não	
415	Ngô Hữu	Vân	04/09/1993	Quảng Nam	Ngoại thần kinh và sọ não	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
416	Phạm Thế	Vinh	20/01/1991	Phú Yên	Ngoại thần kinh và sọ não	
417	Phạm Phong	Vũ	10/07/1991	Thừa Thiên Huế	Ngoại thần kinh và sọ não	
418	Trần	Vũ	30/01/1992	Cần Thơ	Ngoại thần kinh và sọ não	
419	Dương Chí	Đạt	20/10/1993	Hà Tĩnh	Ngoại tiết niệu	
420	Vũ Thành	Đạt	21/07/1995	Lâm Đồng	Ngoại tiết niệu	
421	Nguyễn Quang	Hoà	16/06/1994	Quảng Bình	Ngoại tiết niệu	
422	Trịnh Văn	Hoàng	04/05/1993	Đồng Tháp	Ngoại tiết niệu	
423	Từ Tuấn	Kiệt	13/02/1993	Trà Vinh	Ngoại tiết niệu	
424	Lê Văn	Minh	28/12/1992	Quảng Nam	Ngoại tiết niệu	
425	Dương Hữu	Nhân	13/01/1993	Long An	Ngoại tiết niệu	
426	Dương Công	Quốc	25/01/1995	Hà Tĩnh	Ngoại tiết niệu	
427	Hoàng Xuân	Quý	05/07/1994	Thừa Thiên Huế	Ngoại tiết niệu	
428	Som Su	Rinh	09/10/1992	Trà Vinh	Ngoại tiết niệu	
429	Danh	Tài	19/06/1993	Kiên Giang	Ngoại tiết niệu	
430	Phạm Trí	Tín	01/10/1994	Bến Tre	Ngoại tiết niệu	
431	Trình Quốc	Tín	13/01/1995	Phú Yên	Ngoại tiết niệu	
432	Lê Công	Toại	08/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại tiết niệu	
433	Kiên Thế	Trung	15/02/1993	Trà Vinh	Ngoại tiết niệu	
434	Nguyễn Bá	Trường	14/10/1991	Quảng Trị	Ngoại tiết niệu	
435	Nguyễn Xuân	Việt	02/04/1990	Nghệ An	Ngoại tiết niệu	
436	Châu Anh	Vũ	24/01/1994	Bạc Liêu	Ngoại tiết niệu	
437	Nguyễn Lương	Vũ	09/01/1995	Quảng Nam	Ngoại tiết niệu	
438	Phạm Thị Xuân	Anh	17/01/1993	Đà Nẵng	Nhãn khoa	
439	Ngô Thị Như	Bình	10/10/1995	Bình Định	Nhãn khoa	
440	Hồ Sỹ	Đạt	05/12/1994	Đắk Lắk	Nhãn khoa	
441	Nguyễn Công	Dự	17/08/1993	Phú Yên	Nhãn khoa	
442	Lê Thị Thùy	Dung	01/11/1995	Nghệ An	Nhãn khoa	
443	Vũ Thị	Hà	10/10/1992	Thanh Hóa	Nhãn khoa	
444	Võ Minh	Hậu	01/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhãn khoa	
445	Lê Thị Thanh	Hoa	20/11/1994	Quảng Nam	Nhãn khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
446	Phạm Thị	Hoài	15/09/1993	Đắk Lắk	Nhân khoa	
447	Nguyễn Thị	Hồng	10/10/1994	Thanh Hóa	Nhân khoa	
448	Bùi Thị	Kiều	12/02/1993	Đắk Lắk	Nhân khoa	
449	Trần Thuý	Linh	25/08/1994	Bắc Giang	Nhân khoa	
450	Phạm Nhật	Minh	25/12/1994	Đồng Nai	Nhân khoa	
451	Nguyễn Văn Hồng	Nga	15/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	
452	Mã Ngọc	Thanh	10/05/1993	Sóc Trăng	Nhân khoa	
453	Đàm Thị Châu	Thương	04/06/1990	Quảng Bình	Nhân khoa	
454	Lê Ngọc Thùy	Trang	27/09/1993	Quảng Ngãi	Nhân khoa	
455	Hồ Hữu	Trí	06/08/1994	Đồng Tháp	Nhân khoa	
456	Nguyễn Tuấn	Vũ	14/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	
457	Nguyễn Nữ Hoàng	Yên	10/08/1994	Gia Lai	Nhân khoa	
458	Phạm Thị Phương	Anh	17/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
459	Trần Đào Huỳnh	Anh	01/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
460	Nguyễn Thị	Bằng	18/09/1995	Quảng Nam	Nhi khoa	
461	Huỳnh Quang	Ca	10/10/1995	Gia Lai	Nhi khoa	
462	Nguyễn Huỳnh Kim	Chiến	20/03/1994	Gia Lai	Nhi khoa	
463	Lâm Thanh Ngọc Kim	Cương	09/04/1995	Hậu Giang	Nhi khoa	
464	Lưu Hồng	Đào	06/05/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
465	Nguyễn Thị	Đào	15/02/1994	Nghệ An	Nhi khoa	
466	Trần Thị Hạnh	Đào	25/01/1993	Bến Tre	Nhi khoa	
467	Nguyễn Thị	Diệu	28/02/1995	Bình Định	Nhi khoa	
468	Trần Công	Đoàn	15/02/1993	Bến Tre	Nhi khoa	
469	Lê Thị Hồng	Dung	27/04/1990	Bình Dương	Nhi khoa	
470	Nguyễn Thị	Dung	08/02/1993	Quảng Nam	Nhi khoa	
471	Trần Thị	Dung	26/05/1992	Thanh Hóa	Nhi khoa	
472	Trần Huyền Kỳ	Duyên	22/07/1994	Long An	Nhi khoa	
473	Trịnh Nguyễn Minh	Duyên	02/02/1992	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
474	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	03/03/1986	Long An	Nhi khoa	
475	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/05/1995	Nam Định	Nhi khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
476	Nhữ Thu	Hà	14/09/1991	Hải Dương	Nhi khoa	
477	Lý Thị Mỹ	Hạnh	08/03/1991	Tiền Giang	Nhi khoa	
478	Ngô Mỹ	Hạnh	09/06/1994	Tiền Giang	Nhi khoa	
479	Bùi Trung Đức	Hậu	21/02/1989	Thái Bình	Nhi khoa	
480	Đỗ Nguyễn Thị	Hậu	20/08/1989	Gia Lai	Nhi khoa	
481	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/05/1994	Lâm Đồng	Nhi khoa	
482	Lương Thị	Hoa	27/09/1993	Đắk Lắk	Nhi khoa	
483	Nguyễn Thị	Hoa	28/02/1994	Gia Lai	Nhi khoa	
484	Nguyễn Ngọc	Hoan	10/01/1992	Bình Định	Nhi khoa	
485	Lê Khải	Hoàn	07/02/1992	Đồng Nai	Nhi khoa	
486	Nguyễn Thanh	Hoàng	15/06/1992	Cần Thơ	Nhi khoa	
487	Trần Lê	Huê	06/02/1995	Đắk Nông	Nhi khoa	
488	Trương Thị Thu	Huyền	04/11/1994	Lâm Đồng	Nhi khoa	
489	Nguyễn Thị Minh	Kha	12/10/1995	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
490	Trần Nguyễn Công	Khanh	26/09/1994	Cần Thơ	Nhi khoa	
491	Nguyễn Quốc	Khánh	29/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
492	Quảng Thị	Kim	12/07/1992	Ninh Thuận	Nhi khoa	
493	Trần Thị	Lệ	07/01/1995	Thanh Hóa	Nhi khoa	
494	Nguyễn Quỳnh	Linh	14/06/1992	Lâm Đồng	Nhi khoa	
495	Hoàng Thị	Ly	11/05/1993	Thái Bình	Nhi khoa	
496	Hoàng Thị Hồng	Ly	11/6/1990	Hòa Bình	Nhi khoa	
497	Nguyễn Thị Huyền	Mi	30/05/1995	Đồng Tháp	Nhi khoa	
498	Nguyễn Thị Thu	My	15/02/1994	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
499	Trần Văn	Nam	08/12/1991	Quảng Trị	Nhi khoa	
500	Nguyễn Thị Thúy	Nga	17/02/1993	Thừa Thiên Huế	Nhi khoa	
501	Phạm Thị	Nga	11/12/1994	Thanh Hóa	Nhi khoa	
502	Lê Quỳnh	Ngân	14/10/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhi khoa	
503	Lê Thị Kiều	Ngân	10/06/1991	Bình Định	Nhi khoa	
504	Lê Thị Kim	Ngân	14/05/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
505	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	13/03/1994	Quảng Ngãi	Nhi khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
506	Võ Ngọc Tuyết	Ngân	11/02/1994	Phú Yên	Nhi khoa	
507	Võ Đại	Nghĩa	08/08/1994	Long An	Nhi khoa	
508	Lò Thị Thảo	Nguyên	14/09/1994	Lâm Đồng	Nhi khoa	
509	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	09/12/1994	Bình Định	Nhi khoa	
510	Lê Vũ Thanh	Nhã	19/03/1995	Bình Thuận	Nhi khoa	
511	Nguyễn Hồng	Nhân	07/06/1995	Kiên Giang	Nhi khoa	
512	Trần Trọng	Nhân	12/05/1995	An Giang	Nhi khoa	
513	Rơ Châm	Nhên	29/05/1991	Gia Lai	Nhi khoa	
514	Đặng Thị Thúy	Nhi	23/10/1994	Lâm Đồng	Nhi khoa	
515	Nguyễn Thị Dương	Nhi	28/08/1995	Khánh Hòa	Nhi khoa	
516	Nguyễn Thị Ý	Nhi	15/02/1994	Khánh Hòa	Nhi khoa	
517	Võ Thị Tố	Nữ	28/05/1990	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
518	Đặng Thị Kim	Nương	06/09/1994	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
519	Phạm Hồ Liên	Nương	30/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
520	Nguyễn Sĩ Toàn	Phong	24/01/1989	Đắk Lắk	Nhi khoa	
521	Hồ Thị Ánh	Phương	10/02/1992	Quảng Nam	Nhi khoa	
522	Lâm Minh	Quang	30/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
523	Ngô Lê Như	Quỳnh	05/10/1994	Phú Yên	Nhi khoa	
524	Nguyễn Thị Tuyết	Sang	15/06/1992	Đồng Tháp	Nhi khoa	
525	Phan Thanh	Sang	18/03/1994	An Giang	Nhi khoa	
526	Nguyễn Thanh	Tài	15/03/1992	Bình Phước	Nhi khoa	
527	Huỳnh Nguyễn Uyên	Tâm	27/02/1994	Đồng Nai	Nhi khoa	
528	Nguyễn Khiết	Tâm	12/02/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
529	Trần Thị Minh	Tâm	13/11/1994	Đắk Lắk	Nhi khoa	
530	Lê Hữu	Thà	14/08/1994	An Giang	Nhi khoa	
531	Trương Văn	Thái	20/03/1985	An Giang	Nhi khoa	
532	Trương Hồng	Thắm	08/09/1996	An Giang	Nhi khoa	
533	Nguyễn Đào Phương	Thanh	09/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
534	Thạch Cảnh	Thành	19/02/1994	Bạc Liêu	Nhi khoa	
535	Chu Đức	Thảo	07/10/1993	Đồng Nai	Nhi khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
536	Lê Thị Thanh	Thảo	26/01/1994	Quảng Nam	Nhi khoa	
537	Tô Hoàng Trúc	Thi	16/11/1992	Bình Dương	Nhi khoa	
538	Vy Văn	Thìn	06/10/1991	Đắk Lắk	Nhi khoa	
539	Trần Ngọc	Thịnh	02/09/1991	Đồng Nai	Nhi khoa	
540	Trần Nhật	Thịnh	25/07/1995	An Giang	Nhi khoa	
541	Trần Bá	Thọ	31/03/1994	Đồng Nai	Nhi khoa	
542	Nguyễn Thị Kim	Thoa	05/12/1992	Tiền Giang	Nhi khoa	
543	Đàm Thị	Thu	08/03/1989	Cao Bằng	Nhi khoa	
544	Lê Ngọc Anh	Thư	29/10/1995	Cần Thơ	Nhi khoa	
545	Trần Thị Anh	Thư	05/07/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
546	Nhữ Thị	Thủy	06/11/1996	Nam Định	Nhi khoa	
547	Nguyễn Kim	Thùy	08/11/1993	Bình Định	Nhi khoa	
548	Trịnh Thị Thy	Thy	09/09/1994	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
549	Trương Thủy	Tiên	10/09/1992	Đắk Nông	Nhi khoa	
550	Lê Quang	Tin	1/7/1993	Quảng Ngãi	Nhi khoa	
551	Lê Trương Thủy	Trang	28/11/1993	Đắk Lắk	Nhi khoa	
552	Nguyễn Quốc Đài	Trang	11/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
553	Trần Thị Thu	Trang	21/06/1994	Bình Định	Nhi khoa	
554	Đỗ Minh	Trí	02/01/1995	Tây Ninh	Nhi khoa	
555	Hồ Ngọc	Trinh	10/06/1993	Tây Ninh	Nhi khoa	
556	Lê Thị Việt	Trinh	30/09/1993	Đắk Lắk	Nhi khoa	
557	Phạm Ngọc Thủy	Trinh	02/10/1994	Đồng Tháp	Nhi khoa	
558	Đàng Thị	Trở	15/12/1994	Ninh Thuận	Nhi khoa	
559	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	27/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	
560	Dương Thanh	Tùng	11/04/1990	An Giang	Nhi khoa	
561	Lê Quốc	Tùng	30/06/1994	Long An	Nhi khoa	
562	Phan Nguyễn Quang	Tùng	19/01/1994	Khánh Hòa	Nhi khoa	
563	Võ Thị Cẩm	Vân	28/05/1993	Hà Tĩnh	Nhi khoa	
564	Phan Minh	Vạn	13/05/1995	Long An	Nhi khoa	
565	Lê Trần Thảo	Vy	23/07/1994	Bình Định	Nhi khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
566	Trần Mai	Xuân	15/11/1995	An Giang	Nhi khoa	
567	Quách Thị Yên	Yên	18/07/1995	Cần Thơ	Nhi khoa	
568	Lê Đức Bảo	Ân	27/02/1995	Đắk Lắk	Nội khoa	
569	Lê Quốc	Anh	28/09/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
570	Nguyễn Thị	Anh	09/10/1992	Ninh Bình	Nội khoa	
571	Phan Nguyên	Anh	26/04/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
572	Kim Thị Thủy	Đa	02/03/1993	Trà Vinh	Nội khoa	
573	Nguyễn Thành	Đạt	10/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
574	Nguyễn Xuân	Độc	21/01/1994	Lâm Đồng	Nội khoa	
575	Võ Thị Ngọc	Dung	24/10/1995	Long An	Nội khoa	
576	Tô Hoài	Dương	20/4/1993	Bình Dương	Nội khoa	
577	Hồ Ngọc	Duy	03/02/1991	Lâm Đồng	Nội khoa	
578	Lê Thị Thu	Hà	08/12/1994	Nam Định	Nội khoa	
579	Ngô Thanh	Hà	17/08/1994	Kon Tum	Nội khoa	
580	Phạm Thụy Nhật	Hạ	23/03/1993	Lâm Đồng	Nội khoa	
581	Nguyễn Thị	Hằng	08/11/1995	Lâm Đồng	Nội khoa	
582	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	02/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
583	Phạm Công	Hậu	17/02/1993	Kiên Giang	Nội khoa	
584	Phạm Thị Ngọc	Hiền	23/01/1994	Lâm Đồng	Nội khoa	
585	Báo Dương Duy	Hung	20/10/1994	Ninh Thuận	Nội khoa	
586	Nguyễn Thị Liên	Hương	16/07/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
587	Lê Trường Thanh	Huy	26/9/1993	Khánh Hòa	Nội khoa	
588	Nguyễn Thế Quốc	Huy	30/12/1995	Lâm Đồng	Nội khoa	
589	Đào Thị	Huyền	05/05/1993	Thanh Hóa	Nội khoa	
590	Đinh Thị Ngọc	Huyền	12/08/1995	Quảng Ngãi	Nội khoa	
591	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	13/09/1993	Đồng Nai	Nội khoa	
592	Nguyễn Quốc	Khánh	20/8/1995	Bến Tre	Nội khoa	
593	Trịnh Đăng	Khoa	19/03/1994	Cà Mau	Nội khoa	
594	Nguyễn Thị	Lài	26/04/1994	Nghệ An	Nội khoa	
595	Nguyễn Thị Thanh	Liên	11/03/1993	Bến Tre	Nội khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
596	Nguyễn Trịnh	Tuyết	04/09/1994	Gia Lai	Nội khoa	
597	Văn	Trúc	06/09/1993	Bạc Liêu	Nội khoa	
598	Ngô Bá	Ngọc	01/11/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa	
599	Đào Trần	Ngọc	30/07/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa	
600	Trần Thị		18/06/1995	Đắk Lắk	Nội khoa	
601	Nguyễn Trần	Bảo	10/01/1996	Đắk Lắk	Nội khoa	
602	Lê Thị	Minh	21/09/1994	Đà Nẵng	Nội khoa	
603	Nguyễn Hồng		09/08/1993	Yên Bái	Nội khoa	
604	Trần Thị	Tuyết	12/11/1992	An Giang	Nội khoa	
605	Nguyễn Thị	Vân	08/06/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
606	Nguyễn Thiên		12/10/1995	Hậu Giang	Nội khoa	
607	Thân Thị		02/09/1993	Hà Tĩnh	Nội khoa	
608	Đoạn Thiên		24/12/1995	Bình Thuận	Nội khoa	
609	Đình Tiến		27/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
610	Nguyễn Minh		21/10/1996	Đắk Lắk	Nội khoa	
611	Phạm Xuân		19/06/1995	Thái Bình	Nội khoa	
612	Trần Nguyễn	Minh	04/04/1995	Sóc Trăng	Nội khoa	
613	Hồ Quốc		09/10/1995	Hậu Giang	Nội khoa	
614	Trương Quang		23/11/1993	Hà Tĩnh	Nội khoa	
615	Tôn Thị		30/05/1995	Hà Tĩnh	Nội khoa	
616	Huỳnh Phương		23/08/1995	Kon Tum	Nội khoa	
617	Nguyễn Lư	Nguyên	24/10/1994	Trà Vinh	Nội khoa	
618	Phạm Phương		19/05/1992	Quảng Bình	Nội khoa	
619	Bùi Trường		16/01/1994	Bến Tre	Nội khoa	
620	Hồ Thị		05/08/1993	Đắk Lắk	Nội khoa	
621	Nguyễn Thị		09/02/1994	Thái Bình	Nội khoa	
622	Trương Văn		31/07/1995	Bình Thuận	Nội khoa	
623	Trần Thị	Lệ	14/08/1991	Lâm Đồng	Nội khoa	
624	Phạm Khải		10/06/1992	Bình Định	Nội khoa	
625	Võ Bá		25/07/1994	Long An	Nội khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
626	Đặng Thị Thùy	Trang	28/6/1994	Quảng Ngãi	Nội khoa	
627	Phan Thị Thùy	Trang	02/08/1992	Đắk Lắk	Nội khoa	
628	Lê Minh	Trí	10/04/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
629	Hoàng Minh	Tú	30/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
630	Vũ Việt	Tú	03/08/1992	Đồng Nai	Nội khoa	
631	Hoàng Công	Tuấn	14/01/1994	Quảng Nam	Nội khoa	
632	Hứa Thị Thanh	Tuyền	09/04/1995	Long An	Nội khoa	
633	Ngô Quốc	Việt	05/02/1995	Bạc Liêu	Nội khoa	
634	Nguyễn Bảo	Vinh	18/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
635	Nguyễn Thành	Vinh	26/03/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa	
636	Lê Tuấn	Vương	20/07/1995	Lâm Đồng	Nội khoa	
637	Phan Thị Bảo	Yến	04/03/1995	Bến Tre	Nội khoa	
638	Phạm Tuấn	Anh	02/08/1994	Hà Tĩnh	Nội tiết.	
639	Lương Thị Ngọc	Bích	28/08/1992	Thanh Hóa	Nội tiết.	
640	Trần Thị	Hằng	03/06/1992	Nam Định	Nội tiết.	
641	Bùi Thị Hồng	Hạnh	20/10/1995	Tây Ninh	Nội tiết.	
642	Trần Hoàng	Lam	05/01/1994	Hậu Giang	Nội tiết.	
643	Lê Huyền Ân	Linh	09/12/1993	Đồng Nai	Nội tiết.	
644	Lê Tuấn	Ngọc	13/01/1993	Quảng Trị	Nội tiết.	
645	Nguyễn Ngọc	Thuận	15/02/1992	Quảng Trị	Nội tiết.	
646	Lý Thị Huyền	Trang	21/11/1991	Kiên Giang	Nội tiết.	
647	Lê Anh	Tuấn	07/03/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nội tiết.	
648	Đào Thúc	Đình	18/10/1995	Nghệ An	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
649	Nguyễn Hoàng Minh	Dũng	07/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
650	Hoàng Văn	Duy	09/05/1992	Thái Bình	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
651	Nguyễn Kim	Hằng	07/12/1995	Lâm Đồng	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
652	Nguyễn Khắc	Huy	26/01/1993	Ninh Thuận	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
653	Cao	Lâm	28/08/1993	Đắk Lắk	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
654	Nguyễn Minh	Quang	06/05/1982	Nam Định	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
655	Nguyễn Kỳ	Quốc	09/09/1993	Hà Tĩnh	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
656	Nguyễn Đức	Thắng	09/01/1990	Lâm Đồng	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
657	Trần	Thượng	21/07/1985	Kiên Giang	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
658	Bùi Thanh	Toàn	15/03/1985	Đồng Tháp	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
659	Phạm Trọng	Trọng	20/06/1994	Bến Tre	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
660	Lê Văn	Ước	15/07/1994	Hải Dương	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
661	Nguyễn Tâm	Việt	12/02/1992	Quảng Bình	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
662	Nguyễn Yên	Xuân	26/01/1986	Bến Tre	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	
663	Nguyễn Lan	Hương	31/10/1994	Đà Nẵng	Phục hồi chức năng	
664	Phùng Thị Thùy	Linh	21/08/1994	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng	
665	Nguyễn Cao	Minh	20/12/1994	Long An	Phục hồi chức năng	
666	Lưu Thái	Sơn	30/05/1993	Đắk Lắk	Phục hồi chức năng	
667	Lữ Thanh	Tâm	19/03/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Phục hồi chức năng	
668	Trần Phương	Thảo	02/12/1994	Bình Thuận	Phục hồi chức năng	
669	Lê Thị	Thủy	09/11/1994	Thanh Hóa	Phục hồi chức năng	
670	Hồ Thị Thu	Trang	05/12/1994	Quảng Ngãi	Phục hồi chức năng	
671	Trương Hùng	Vỹ	05/01/1995	Gia Lai	Phục hồi chức năng	
672	Huỳnh Minh	Anh	12/10/1994	Bến Tre	Răng hàm mặt	
673	Nguyễn Hải	Anh	10/10/1993	Nam Định	Răng hàm mặt	
674	Trần Tuấn	Anh	01/04/1991	Đồng Tháp	Răng hàm mặt	
675	Trần Ngọc	Ánh	07/10/1994	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
676	Danh Kim	Đô	26/05/1992	Kiên Giang	Răng hàm mặt	
677	Trịnh Thị	Dung	02/05/1994	Hải Hưng	Răng hàm mặt	
678	Dương Thùy	Duyên	22/10/1992	Bình Định	Răng hàm mặt	
679	Lê Thị Phương	Duyên	20/06/1990	Lâm Đồng	Răng hàm mặt	
680	Lê Ngọc Hương	Giang	22/01/1995	Đồng Tháp	Răng hàm mặt	
681	Đặng Phú	Hải	28/10/1993	Hải Phòng	Răng hàm mặt	
682	Hoàng Thị Thanh	Hằng	16/11/1991	Quảng Bình	Răng hàm mặt	
683	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	12/06/1994	Quảng Ngãi	Răng hàm mặt	
684	Trần Trung	Hậu	28/05/1993	Bến Tre	Răng hàm mặt	
685	Nguyễn Tiến	Hung	08/07/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Răng hàm mặt	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
686	Phạm Quang	Hưng	03/09/1994	Thái Nguyên	Răng hàm mặt	
687	Hoàng Gia	Lộc	20/10/1989	Tây Ninh	Răng hàm mặt	
688	Nguyễn Phước	Lộc	18/01/1993	An Giang	Răng hàm mặt	
689	Nguyễn Duy	Luân	22/08/1988	Đồng Tháp	Răng hàm mặt	
690	Phan Vĩnh	Luân	12/10/1993	Bình Định	Răng hàm mặt	
691	Nguyễn Tuyết	Minh	13/07/1987	An Giang	Răng hàm mặt	
692	Bùi Thị Hồng	Nga	26/03/1994	Bạc Liêu	Răng hàm mặt	
693	Trần Thị Tuyết	Nga	05/01/1988	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
694	Đỗ Thị Kim	Ngân	24/03/1993	Đồng Tháp	Răng hàm mặt	
695	Hoàng Danh	Ngân	06/07/1994	Đồng Nai	Răng hàm mặt	
696	Tổng Thị Bảo	Ngọc	14/02/1989	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
697	Trần Thị Thanh	Nhàn	06/05/1985	Lâm Đồng	Răng hàm mặt	
698	Nguyễn Huỳnh	Như	15/04/1994	Bến Tre	Răng hàm mặt	
699	Đỗ Quế	Phương	15/08/1983	Bến Tre	Răng hàm mặt	
700	Phạm Thị Nguyệt	Phương	30/08/1991	Trà Vinh	Răng hàm mặt	
701	Nguyễn Minh	Quang	29/08/1991	Khánh Hòa	Răng hàm mặt	
702	Cổ Lan Huệ	Tâm	20/03/1986	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
703	Lê Quyết	Thắng	02/10/1994	Đắk Lắk	Răng hàm mặt	
704	Nguyễn Đình	Thành	20/11/1994	Phú Yên	Răng hàm mặt	
705	Đoàn Đan	Thảo	10/10/1991	Bến Tre	Răng hàm mặt	
706	Trần Khánh	Thảo	09/12/1990	Bình Dương	Răng hàm mặt	
707	Tạ Thụy Thanh	Thơ	21/10/1978	Bến Tre	Răng hàm mặt	
708	Tô Minh	Thư	05/11/1994	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
709	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/10/1993	Kon Tum	Răng hàm mặt	
710	Hoàng Công Quỳnh	Trang	21/05/1995	Đà Nẵng	Răng hàm mặt	
711	Trần Thị Thùy	Trang	10/05/1988	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
712	Trần Thục	Trang	07/09/1992	Quảng Ngãi	Răng hàm mặt	
713	Lê Minh	Trí	28/11/1996	Đắk Lắk	Răng hàm mặt	
714	Kim Thạch Thanh	Trúc	27/11/1993	Trà Vinh	Răng hàm mặt	
715	Võ Nguyễn Hoàng	Trúc	24/11/1991	Bình Thuận	Răng hàm mặt	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
716	Nguyễn Nhật	Trường	22/04/1993	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
717	Trần Minh	Tú	06/11/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Răng hàm mặt	
718	Dương Anh	Tùng	22/11/1989	Thanh Hóa	Răng hàm mặt	
719	Phạm Trung	Tuyền	23/08/1994	Bình Thuận	Răng hàm mặt	
720	Nguyễn Thị Bích	Vân	23/05/1995	Tiền Giang	Răng hàm mặt	
721	Sỳ Ngọc	Vân	14/10/1993	Lâm Đồng	Răng hàm mặt	
722	Nguyễn Tôn	Việt	02/03/1988	Thừa Thiên Huế	Răng hàm mặt	
723	Tô Mỹ	Anh	15/06/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
724	Đào Hoàng Hoa Hà Hải	Âu	21/11/1995	Kiên Giang	Sản phụ khoa	
725	Phan Gia Nhật	Chân	24/09/1995	Bình Thuận	Sản phụ khoa	
726	Vũ Văn	Chung	29/05/1995	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	
727	Huỳnh	Công	05/08/1994	Quảng Nam	Sản phụ khoa	
728	Nguyễn Thành	Đạt	07/04/1995	Lâm Đồng	Sản phụ khoa	
729	Phạm Thị	Diêm	28/07/1993	Nam Định	Sản phụ khoa	
730	Phạm Phan Thùy	Dung	05/03/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
731	Nguyễn Thị Phương	Duyên	27/06/1996	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	
732	Lê Nhã Việt	Hà	21/02/1992	Đồng Tháp	Sản phụ khoa	
733	Nguyễn Thị	Hà	10/02/1994	Quảng Bình	Sản phụ khoa	
734	Cao Như	Hải	21/11/1993	Kiên Giang	Sản phụ khoa	
735	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	23/05/1986	Gia Lai	Sản phụ khoa	
736	Nguyễn Quốc	Hiếu	20/12/1994	Bình Định	Sản phụ khoa	
737	Ngô Đăng Thanh	Hùng	27/12/1994	Lâm Đồng	Sản phụ khoa	
738	Đào Trần Phương	Linh	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
739	Trần Thị	Linh	08/09/1993	Nghệ An	Sản phụ khoa	
740	Vũ Văn	Lực	13/01/1993	Thanh Hóa	Sản phụ khoa	
741	Lê Ý Thu	Miô	25/11/1993	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	
742	Nguyễn Thị Trà	My	08/08/1992	Kon Tum	Sản phụ khoa	
743	Trần Thanh	Nam	20/02/1995	Bến Tre	Sản phụ khoa	
744	Phạm Thị Tuyết	Nga	01/06/1995	Bình Định	Sản phụ khoa	
745	Phạm Nguyễn Thảo	Ngân	09/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
746	Đào Vĩnh	Nguyên	20/01/1993	Bình Định	Sản phụ khoa	
747	Trần Đức	Nguyên	17/02/1994	Quảng Nam	Sản phụ khoa	
748	Đặng Thị Minh	Nguyệt	11/02/1994	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	
749	Đoàn Bích	Nhi	25/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
750	Thạch Yên	Nhi	04/06/1995	Trà Vinh	Sản phụ khoa	
751	Lại Thị Tuyết	Nhung	20/02/1990	Quảng Bình	Sản phụ khoa	
752	Chu Tú	Phương	20/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
753	Hứa Ngọc	Quý	12/10/1991	Gia Lai	Sản phụ khoa	
754	Phan Văn	Quyền	20/05/1995	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa	
755	Đỗ Hoàng	Sanh	02/02/1992	Quảng Trị	Sản phụ khoa	
756	Võ Thị Kim	Soa	26/11/1992	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa	
757	Võ Minh	Tài	15/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
758	Cao Ngọc Đan	Thanh	02/02/1995	Vĩnh Long	Sản phụ khoa	
759	Đoàn Như	Thảo	21/10/1993	Bạc Liêu	Sản phụ khoa	
760	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	07/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	
761	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/05/1992	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	
762	Đặng Võ	Thông	23/09/1995	Gia Lai	Sản phụ khoa	
763	Phan Thị	Thuận	21/09/1994	Nghệ An	Sản phụ khoa	
764	Nguyễn Hữu Đức	Tiến	06/05/1993	Đồng Nai	Sản phụ khoa	
765	Đinh Thị Thu	Trang	23/03/1994	Quảng Nam	Sản phụ khoa	
766	Vũ Thị Thùy	Trang	22/05/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản phụ khoa	
767	Trương Đại	Triều	18/10/1993	Bình Định	Sản phụ khoa	
768	Nguyễn Hoàng Anh	Trúc	15/6/1994	Cần Thơ	Sản phụ khoa	
769	Đặng Sĩ	Trung	15/01/1993	Đồng Nai	Sản phụ khoa	
770	Giang Trịnh Tú	Vân	13/06/1992	Kon Tum	Sản phụ khoa	
771	Phạm Thị Xuân	Viên	02/08/1991	Quảng Nam	Sản phụ khoa	
772	Nguyễn Hà Nhật	Vy	25/04/1995	Đồng Nai	Sản phụ khoa	
773	Cao Thị	Yến	03/03/1992	Nghệ An	Sản phụ khoa	
774	Nguyễn Tuấn	Anh	07/05/1993	Ninh Bình	Tai Mũi Họng	
775	Trần Quang	Bách	23-4-1993	Ninh Bình	Tai Mũi Họng	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
776	Phạm Hoài	Bảo	28/03/1994	Đồng Tháp	Tai Mũi Họng	
777	Nguyễn Thanh	Bình	02/02/1992	Lâm Đồng	Tai Mũi Họng	
778	Uông Thị	Chung	01/03/1994	Quảng Nam	Tai Mũi Họng	
779	Mã Văn	Chương	15/08/1988	Cà Mau	Tai Mũi Họng	
780	Nguyễn Việt	Cường	28/07/1994	Quảng Ngãi	Tai Mũi Họng	
781	Trần Hồng	Diễm	01/01/1992	Cà Mau	Tai Mũi Họng	
782	Nguyễn Thị	Dung	11/06/1994	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng	
783	Đoàn Hải	Dương	24/05/1995	Thái Bình	Tai Mũi Họng	
784	Lương Thùy	Dương	18/5/1994	Long An	Tai Mũi Họng	
785	Phạm Thái	Hà	27/08/1995	Kiên Giang	Tai Mũi Họng	
786	Trần Thị Thu	Hà	15/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	
787	Phạm Nguyễn Thu	HàNg	23/10/1993	Lâm Đồng	Tai Mũi Họng	
788	Mai Thị	Huyền	18/07/1993	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng	
789	Huỳnh Nhật	Luân	01/01/1993	Gia Lai	Tai Mũi Họng	
790	Hồ Minh	Mẫn	27/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	
791	Nguyễn Thị Nhật	Minh	07/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	
792	Võ Thảo	Nguyên	18/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	
793	Phạm Tiến	Phát	20/11/1994	Long An	Tai Mũi Họng	
794	Trần Duy	Quý	19/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	
795	Phạm Quang	Son	12/09/1993	An Giang	Tai Mũi Họng	
796	Hồ Văn	Thơ	10/08/1976	Bình Định	Tai Mũi Họng	
797	Nguyễn Trung	Thông	09/12/1995	Đồng Tháp	Tai Mũi Họng	
798	Nguyễn Thị	Thuận	25/03/1994	Thừa Thiên Huế	Tai Mũi Họng	
799	Đào Minh	Trí	03/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	
800	Thạch Thụy Trinh	Trình	09/12/1995	Cần Thơ	Tai Mũi Họng	
801	Nguyễn Hoàng	Trung	01/08/1993	Quảng Nam	Tai Mũi Họng	
802	Lê Quang	Vinh	30/01/1994	Nghệ An	Tai Mũi Họng	
803	Nguyễn Hữu	Vương	05/02/1991	Thanh Hóa	Tai Mũi Họng	
804	Nguyễn Ngọc	Cường	01/08/1994	Đà Nẵng	Tâm thần	
805	Võ Thành	Luân	28/06/1993	Đồng Tháp	Tâm thần	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
806	Đỗ Quốc Quỳnh	Như	20/09/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Tâm thần	
807	Lê Thị Thanh	Tâm	16/11/1994	Cần Thơ	Tâm thần	
808	Nguyễn Lại Ngọc	Trinh	09/04/1995	Long An	Tâm thần	
809	Hoàng Quang	Tuấn	05/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tâm thần	
810	Chu Thị	Bích	23/02/1993	Đắk Lắk	Thần kinh	
811	Lê Thị Kim	Dung	01/7/1993	Quảng Nam	Thần kinh	
812	Nguyễn Hữu	Hải	28/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Thần kinh	
813	Nguyễn Thị	Hạnh	05/09/1995	Thừa Thiên Huế	Thần kinh	
814	Phan Thị Thu	Hoài	10/04/1993	Hà Tĩnh	Thần kinh	
815	Nguyễn Thị	Hồng	20/01/1994	Nghệ An	Thần kinh	
816	Nguyễn Khắc Hoàng	Lâm	12/08/1994	Phú Yên	Thần kinh	
817	Trương Thị Như	Lan	15/02/1993	Tiền Giang	Thần kinh	
818	Trần Thị Hồng	Loan	17/12/1994	Cần Thơ	Thần kinh	
819	Nguyễn Thị	My	12/12/1991	Thanh Hóa	Thần kinh	
820	Lê Thị Ny	Na	19/08/1995	Bình Định	Thần kinh	
821	Trương Công	Nam	21/03/1993	Thanh Hóa	Thần kinh	
822	Lâm Hữu	Nghĩa	19/12/1994	Trà Vinh	Thần kinh	
823	Phan Đình	Phát	19/01/1995	Bạc Liêu	Thần kinh	
824	Võ Văn	Phú	25/09/1992	Quảng Trị	Thần kinh	
825	Nguyễn Thị	Quỳnh	13/12/1994	Thanh Hóa	Thần kinh	
826	Hứa Thị	Tâm	21/09/1993	Đắk Lắk	Thần kinh	
827	Trần Thị Mỹ	Thanh	17/08/1995	Đồng Nai	Thần kinh	
828	Trần Thị Ngọc	Trang	03/11/1993	Bến Tre	Thần kinh	
829	Phạm Thị Thanh	Trúc	26/08/1993	Cần Thơ	Thần kinh	
830	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	20/10/1984	Quảng Nam	Tổ chức quản lý dược	
831	Nguyễn Trung	Chương	10/12/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tổ chức quản lý dược	
832	Lê Ngọc	Diễm	28/12/1980	Bạc Liêu	Tổ chức quản lý dược	
833	Phan Hữu	Duy	25/06/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức quản lý dược	
834	Đình Trần Thùy	Linh	01/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức quản lý dược	
835	Trần Kiều	Trang	20/01/1970	Lâm Đồng	Tổ chức quản lý dược	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
836	Hoàng Ngọc Tường	Vi	09/09/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức quản lý dược	
837	Ksor	Chrong	18/06/1994	Gia Lai	Truyền nhiễm.	
838	Huỳnh Thị Cẩm	Giang	01/01/1993	Trà Vinh	Truyền nhiễm.	
839	Hoàng Thị	Hậu	14/03/1994	Gia Lai	Truyền nhiễm.	
840	Phạm Mạnh	Hoàng	01/04/1994	Quảng Nam	Truyền nhiễm.	
841	Trần Ái	Liên	12/09/1994	Bình Định	Truyền nhiễm.	
842	Phạm Thị Trúc	Linh	07/10/1984	Đồng Tháp	Truyền nhiễm.	
843	Nguyễn Thị	Mãi	15/08/1991	Quảng Bình	Truyền nhiễm.	
844	Dương Ngọc	Minh	30/07/1993	Vĩnh Long	Truyền nhiễm.	
845	Lê Đình	Nam	26/09/1990	Nghệ An	Truyền nhiễm.	
846	Trần Thị Yến	Oanh	19/03/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm.	
847	Trần Minh	Phượng	02/12/1990	Thanh Hóa	Truyền nhiễm.	
848	Huỳnh Văn	Sữa	09/02/1987	Cà Mau	Truyền nhiễm.	
849	Nguyễn Văn	Trưởng	26/01/1992	Hà Nam	Truyền nhiễm.	
850	Nguyễn Thúy	Vân	28/5/1994	Khánh Hòa	Truyền nhiễm.	
851	Nguyễn Quốc	Việt	19/12/1992	An Giang	Truyền nhiễm.	
852	Trần Văn	Chung	09/09/1995	Đồng Tháp	Ung thư	
853	Nguyễn Văn	Đông	01/01/1995	Hà Tĩnh	Ung thư	
854	Thái	Dương	15/03/1994	Hậu Giang	Ung thư	
855	Đặng Đình	Đường	06/09/1994	Quảng Ngãi	Ung thư	
856	Doãn Hoàng	Giang	11/10/1994	Đà Nẵng	Ung thư	
857	Dương Phúc	Hào	25/06/1995	Bạc Liêu	Ung thư	
858	Nguyễn Thị Nhật	Hoàng	04/04/1994	Quảng Trị	Ung thư	
859	Phạm Thanh	Huyền	23/08/1991	Đồng Nai	Ung thư	
860	Đào Bá	Khả	30/9/1994	Bến Tre	Ung thư	
861	Phan Văn	Khương	15/07/1995	Kiên Giang	Ung thư	
862	Phạm Hoàng	Long	30/05/1994	Tiền Giang	Ung thư	
863	Nguyễn Thị Thanh	Mai	16/12/1991	Lai Châu	Ung thư	
864	Bùi Trần Thiên	Nam	17/05/1991	Vĩnh Long	Ung thư	
865	Lê Tiến	Ngọc	05/10/1993	Hà Tĩnh	Ung thư	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
866	Lê Trung	Quân	05/09/1994	Thừa Thiên Huế	Ung thư	
867	Minh Ma	Ri	02/12/1993	Trà Vinh	Ung thư	
868	Trương Tấn	Tài	13/02/1993	Bến Tre	Ung thư	
869	Trần Hoàng	Tân	27/05/1994	Bến Tre	Ung thư	
870	Huỳnh Quốc	Thắng	15/07/1992	Gia Lai	Ung thư	
871	Lê	Thắng	04/04/1994	Cần Thơ	Ung thư	
872	Võ Chí	Thoại	22/10/1995	Trà Vinh	Ung thư	
873	Nguyễn Văn	Tính	30/11/1994	Tiền Giang	Ung thư	
874	Dương Thị Ái	Trình	21/01/1994	Thừa Thiên Huế	Ung thư	
875	Hồ Thái	Vân	19/02/1995	Đắk Lắk	Ung thư	
876	Lê Văn	Vũ	28/02/1994	Quảng Trị	Ung thư	
877	Nguyễn Minh	Trí	31/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Vi sinh	
878	Chu Việt	Anh	04/04/1992	Hà Nội	Y học cổ truyền	
879	Trần Ngọc	Cần	31/05/1995	Gia Lai	Y học cổ truyền	
880	Nguyễn Thị Phương	Dung	03/09/1978	Tp. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	
881	Nguyễn Khắc	Duy	03/03/1994	Bến Tre	Y học cổ truyền	
882	Nguyễn Văn	Hung	19/06/1992	Đắk Lắk	Y học cổ truyền	
883	Âu Văn	Khê	27/5/1974	Tiền Giang	Y học cổ truyền	
884	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/1993	Đắk Lắk	Y học cổ truyền	
885	Phạm Thị Tuyết	Lạnh	18/12/1993	Tây Ninh	Y học cổ truyền	
886	Huỳnh Thị	Lê	16/08/1985	Bến Tre	Y học cổ truyền	
887	Lê Thị	Liên	19/09/1988	Thanh Hóa	Y học cổ truyền	
888	Vũ Thùy	Linh	06/10/1991	Hà Nội	Y học cổ truyền	
889	Trương Lý Khánh	Lộc	20/12/1996	Bạc Liêu	Y học cổ truyền	
890	Trần Thị Bé	Ngoan	15/04/1993	Cà Mau	Y học cổ truyền	
891	Nguyễn Huỳnh Ái	Nguyên	08/02/1995	Tiền Giang	Y học cổ truyền	
892	Trịnh Yên	Nhi	20/09/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	
893	Trần Hồng	Nhung	10/06/1986	Bến Tre	Y học cổ truyền	
894	Lê Thị Kim	Oanh	14/12/1984	Hà Tây	Y học cổ truyền	
895	Nguyễn Thị Hồng	Phước	02/08/1988	Sông Bé	Y học cổ truyền	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
896	Nguyễn Thị Vũ	Phương	08/12/1989	Quảng Ngãi	Y học cổ truyền	
897	Huỳnh Lục	Sĩ	01/11/1984	Đồng Tháp	Y học cổ truyền	
898	Lê Quang	Thoại	26/08/1991	Khánh Hòa	Y học cổ truyền	
899	Nguyễn Hồ Minh	Thư	23/04/1983	Sóc Trăng	Y học cổ truyền	
900	Nguyễn Hoài	Thương	26/03/1991	Bình Thuận	Y học cổ truyền	
901	Nguyễn Hoàng	Tiến	06/03/1993	Bạc Liêu	Y học cổ truyền	
902	Phan Thị Ngọc	Trâm	10/11/1996	Bạc Liêu	Y học cổ truyền	
903	Nguyễn Thị Thanh	Trang	11/04/1993	An Giang	Y học cổ truyền	
904	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/06/1988	Long An	Y học cổ truyền	
905	Lê Cao	Trí	28/10/1988	Bình Định	Y học cổ truyền	
906	Phan Anh	Tú	17/12/1991	Đắk Lắk	Y học cổ truyền	
907	Bùi Thanh	Tùng	05/11/1995	Đồng Tháp	Y học cổ truyền	
908	Trần Duy	Tùng	15/12/1991	Quảng Ngãi	Y học cổ truyền	
909	Trần Hoài	Vũ	20/10/1986	Bình Định	Y học cổ truyền	
910	Nguyễn Mai Tuyết	Trình	20/10/1992	Gia Lai	Y học dự phòng	
911	Phan Văn	Chính	10/11/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	
912	Nguyễn Duy	Cương	09/09/1992	Thừa Thiên Huế	Y học gia đình	
913	Lâm Tiến	Đạt	23/12/1993	Tây Ninh	Y học gia đình	
914	Bùi Ngọc	Diệp	08/04/1986	Tiền Giang	Y học gia đình	
915	Ngô Văn	Dinh	19/07/1994	Thanh Hóa	Y học gia đình	
916	Nguyễn Thị	Dinh	05/05/1990	Nam Định	Y học gia đình	
917	Cao Lập	Đức	24/03/1994	Tây Ninh	Y học gia đình	
918	Võ Minh	Giàu	13/10/1991	Tây Ninh	Y học gia đình	
919	Nguyễn Lê Thảo	Hạnh	13/09/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	
920	Trịnh Thị Thục	Hiền	24/12/1982	Nghệ An	Y học gia đình	
921	Nguyễn Thị Linh	Huệ	06/03/1993	Quảng Ngãi	Y học gia đình	
922	Cao Đăng	Hung	04/06/1989	Nghệ An	Y học gia đình	
923	Nguyễn Đăng	Hung	06/02/1993	Lâm Đồng	Y học gia đình	
924	Sầm Thị	Hương	01/05/1993	Cao Bằng	Y học gia đình	
925	Trần Thị Vân	Khanh	22/03/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	

STT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
926	Lê Thị Nhật	Lê	01/7/1993	Phú Yên	Y học gia đình	
927	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	07/12/1988	Bình Định	Y học gia đình	
928	Đặng Thị	Linh	12/06/1994	Bình Định	Y học gia đình	
929	Diệp Thị Mỹ	Linh	12/10/1993	Quảng Bình	Y học gia đình	
930	Lý Hoàng	Long	11/04/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	
931	Dương Thị	Na	06/06/1995	Quảng Nam	Y học gia đình	
932	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	
933	Lê Bá	Ngọc	01/03/1990	Thanh Hóa	Y học gia đình	
934	Lê Thị Hồng	Nhung	14/04/1995	Thanh Hóa	Y học gia đình	
935	Trần Thị Minh	Phuong	23/05/1995	Bình Thuận	Y học gia đình	
936	Nguyễn Hoàng	Quân	28/08/1992	Đồng Nai	Y học gia đình	
937	Nguyễn Thái	Sang	26/03/1994	Ninh Thuận	Y học gia đình	
938	Nguyễn Minh	Tâm	28/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	
939	Nguyễn Thanh	Tâm	10/10/1993	An Giang	Y học gia đình	
940	Nguyễn Cao	Thắng	20/03/1991	Đồng Tháp	Y học gia đình	
941	Bùi Thị Phương	Thảo	06/12/1991	Tây Ninh	Y học gia đình	
942	Phan Phương	Thảo	17/03/1993	Bình Thuận	Y học gia đình	
943	Nguyễn Thị	Thương	10/2/1983	Thanh Hóa	Y học gia đình	
944	Lê Thị Bích	Trâm	01/01/1991	Đồng Tháp	Y học gia đình	
945	Nguyễn Đào Phương	Trang	03/06/1990	Tây Ninh	Y học gia đình	
946	Phạm Minh	Triết	05/08/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	
947	Phạm Duy	Tùng	22/04/1994	Sông Bé	Y học gia đình	
948	Nguyễn Văn	Vạn	30/12/1992	Kiên Giang	Y học gia đình	
949	Quách Lâm	Vũ	05/06/1994	Bình Dương	Y học gia đình	
950	Lê Như	Ý	15/10/1994	CHLB Đức	Y học gia đình	
951	Chu Hải	Yến	22/08/1992	Bình Phước	Y học gia đình	
952	Lê Thị Bảo	Yến	21/09/1994	Quảng Trị	Y học gia đình	